

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỆ THỦY
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/DS- ST

Ngày: 17/8/2021

*“V/v: Tranh chấp hợp đồng
dân sự dịch vụ”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Nhân

Các hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Mậu Hiệu

Bà Nguyễn Thị Hồng Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Diệu Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 17 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/TLST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2021 về "Tranh chấp hợp đồng dân sự dịch vụ", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị L, sinh năm 1965, địa chỉ: Khóm 1, tổ dân phố T, thị trấn K, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt;

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Phi T, sinh năm 1953, địa chỉ: Khóm 3, tổ dân phố T, thị trấn K, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt;

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị L, sinh năm 1972, địa chỉ: Đội 8, thôn T, xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt;

4. *Người làm chứng:*

+ Ông Trần Thúc C, sinh năm 1963, địa chỉ: Đội quản lý chợ T, thị trấn K, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt;

+ Bà Lê Thị H, sinh năm 1969, địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn K, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/3/2021, bản tự khai ngày 05/5/2021 và các biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Bùi Thị L đều trình bày: Ông Nguyễn Phi T là người ký hợp đồng nhận thầu với Đội quản lý chợ T về việc quét dọn vệ sinh tại chợ T. Ngày 01/3/2020, giữa bà và bà Trần Thị L với ông Nguyễn Phi T ký hợp đồng thu gom rác ở chợ T và bốc rác lên xe, cụ thể: Bà và bà L đảm nhận công việc thu gom rác và bốc rác lên xe rác của Ban quản lý các công trình công cộng huyện L; thời hạn của hợp đồng 01 năm (từ 01/3/2020 đến 01/3/2021); giá trị của hợp đồng 6.000.000 đồng/1 tháng cho cả 2 người; hai bên thỏa thuận,

hàng tháng bà và bà L nhận tiền tại Đội quản lý chợ T vào những ngày đầu tháng là 3.500.000 đồng (đây là khoản tiền hợp đồng giữa ông T với Đội quản lý chợ T lẽ ra ông T nhận) và nhận tiếp ở ông Nguyễn Phi T 2.500.000 đồng vào những ngày cuối tháng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên thực hiện hàng tháng đúng như trong hợp đồng nhưng đến tháng 10 và tháng 11 năm 2020, ông T không thực hiện trả tiền cho bà và bà L, ông cho rằng do bị lũ lụt, ông định trả nửa tháng lương, bà và bà L không chấp nhận vì thực tế bà và bà L chỉ nghỉ lụt 3 ngày nước to, còn khi nước hạ là bà và bà L phải đến chợ dọn vén rác cho đến khi nước ra hết. Do lượng rác sau lụt nhiều nên bà và bà L phải làm tăng thêm thời gian và gọi cả người nhà đến làm giúp, đồng thời bà và bà L tiếp tục thực hiện như hợp đồng, dọn vén, thu gom rác và bốc rác lên xe, nhận tiền 3.500.000 đồng/tháng tại Đội quản lý chợ cho đến cuối tháng 11/2020 nhưng do ông T không thực hiện trả tiền tháng 10 và tháng 11 năm 2020 cho bà và bà L 2.500.000 đồng/tháng x 2 tháng = 5.000.000 đồng (cho cả 2 người) nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T phải trả tiền tháng 10 và tháng 11 cho bà là 2.500.000 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Phi T trình bày qua bản tự khai ngày 05/5/2021, các biên bản hòa giải, cũng như tại phiên tòa: Ông là người ký hợp đồng với Đội quản lý chợ T về việc nhận thầu vệ sinh thu gom rác và bốc rác lên xe đã mấy năm nay, ông thừa nhận giữa ông với bà Bùi Thị L và bà Trần Thị L có ký hợp đồng thu gom rác và bốc rác lên xe, thời hạn hợp đồng và giá trị hợp đồng như bà L trình bày và như trong Hợp đồng ngày 01/3/2020. Quá trình thực hiện hợp đồng nói chung hai bên thực hiện tốt, đến tháng 10/2020 có 02 trận lũ lụt rất lớn, chợ chỉ họp 11 ngày còn 19 ngày không có chợ. Ông thầu lương tự trang trải, có chợ mới quét rác, không có chợ thì ông nghỉ và tổ vệ sinh và tổ rác cũng nghỉ. Vì thế đến cuối tháng 11 trả tiền tháng 10, ông đã gọi bà L và bà L đến trao đổi việc ảnh hưởng lũ lụt tháng 10 chợ không họp kéo dài, ông không thu phí, 02 người không làm rác nên tiền tháng 10 ông xin trả cho 02 người $\frac{1}{2}$ tháng là 1.250.000 đồng, bà L, bà L không chịu, hai bên nói qua nói lại nhùng nhằng rồi 02 người tự hủy hợp đồng không làm nữa nên tiền tháng 10 và tháng 11/2020 ông giữ lại không trả. Ông làm như vậy là đúng như trong hợp đồng đã ký, vì trong hợp đồng có thỏa thuận tại Điều 4: *“Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản trên, không đơn phương hủy bỏ hợp đồng mà không có lý do chính đáng”*..., thực tế bà L, bà L tự đơn phương chấm dứt hợp đồng đối với ông, đồng thời ký hợp đồng với Đội quản lý chợ T trong khi hợp đồng giữa ông và Đội quản lý chợ đang còn thời hạn. Do đó, ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L trình bày: Bà nhất trí toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện và trình bày của bà Bùi Thị L, việc ông Nguyễn Phi T không trả tiền công theo hợp đồng đã ký là vi phạm hợp đồng, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L để buộc ông T trả tiền công theo hợp đồng như yêu cầu của bà Bùi Thị L. Hiện nay bà cũng khởi kiện ông Nguyễn Phi T với nội dung như bà L khởi kiện bằng một vụ án khác nên trong vụ án này bà không yêu cầu gì.

Người làm chứng ông Trần Thúc C trình bày tại bản tự khai ngày 18/6/2021, các biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa: Ông là Đội trưởng, Đội quản lý chợ T, ngày 01/3/2020, ông đã ký hợp đồng quét dọn vệ sinh, thu gom rác tại chợ T với ông Nguyễn Phi T, với nội dung: Ông Nguyễn Phi T đảm nhận công việc quét dọn làm vệ sinh toàn bộ khu vực chợ kể cả phần đường xung quanh và bốc rác lên xe đảm bảo gọn gàng, sạch sẽ, chịu trách nhiệm thu phí và vệ sinh nhà vệ sinh chợ, được phép sử dụng, quản lý nguồn nước ở chợ và chịu trách nhiệm thanh toán tiền nước theo khối lượng sử dụng; thời hạn hợp đồng từ ngày 01/3/2020 đến ngày 28/02/2021; chịu sự quản lý, điều hành, giám sát của Đội quản lý chợ T; ông T được quyền thuê lao động để thực hiện công việc theo hợp đồng; giá trị công theo hợp đồng 2.100.000 đồng/tháng, ngoài số tiền trong hợp đồng, Đội quản lý chợ hỗ trợ thêm việc quét dọn vệ sinh: 275.000 đồng/tháng, bốc rác lên xe: 1.125.000 đồng/tháng. Tổng cộng toàn bộ, ông Thường được nhận hàng tháng là 3.500.000 đồng. Riêng về phần thu phí nhà vệ sinh ông T tự trang trải. Căn cứ hợp đồng nêu trên, ông T đã thuê lại bà Bùi Thị L và bà Trần Thị L đảm nhận việc quét dọn vệ sinh chợ và bốc rác lên xe, thuê bà Lê Thị H kết hợp làm chung với ông. Trong thời gian thực hiện hợp đồng không có vấn đề gì xảy ra, đến tháng 10/2020 do lũ lụt, sau khi nước rút, chợ tồn đọng lượng rác nhiều, cần khắc phục kịp thời để đưa chợ vào hoạt động, trong thời gian này đội quản lý chợ đã liên lạc nhiều lần với ông T nhưng ông nói ông đang điều trị tại Bệnh viện đa khoa huyện L, có gì gọi bà Lê Thị H, sau đó đội đã gọi bà H thì bà H trả lời bận việc không đến được, cần gì gọi bà L và bà L, sau khi gọi thì bà L và bà L đến chợ làm vệ sinh và bốc rác lên xe cùng với sự hỗ trợ của toàn lực lượng Đội quản lý chợ suốt thời gian sau lụt cho đến ngày 30/11/2020. Việc ông T hợp đồng với Đội quản lý chợ nhưng khi ốm đau thuê bà H trực không đúng thời gian quy định nên Đội quản lý chợ đã chấm dứt hợp đồng trước thời hạn (đầu tháng 12/2020), đã trả tiền cho ông T đến hết tháng 11/2020. Số tiền 3.500.000 đồng giá trị hợp đồng giữa Đội quản lý chợ và ông T theo thỏa thuận giữa ông T và bà L, bà L thì 2 bà nhận thay ông T để trừ vào hợp đồng thuê lại, bà L đại diện nhận tại đội quản lý chợ đến hết tháng 11/2020 (theo sổ theo dõi đội đã nộp cho Tòa án). Việc không thanh toán tiền công cho bà L, bà L theo hợp đồng là trách nhiệm của ông Nguyễn Phi T.

Người làm chứng bà Lê Thị H trình bày tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 18/6/2021 cũng như tại phiên tòa: Bà có nhận làm phụ việc thu phí vệ sinh tại chợ T cho ông Nguyễn Phi T, tháng 10 năm 2020 do lũ lụt, chợ hợp thất thường, ông T bị ốm đau đi nằm viện, bà có thay ông T thu phí vệ sinh ở chợ được nửa tháng 10, sang tháng 11/2020 ông T thu. Do tháng 10 thu phí ít nên ông T có thương lượng với bà L, bà L xin trả tiền nửa tháng nhưng hai bà không chịu nên ông T không trả tiền tháng 10 và 11 năm 2020, với lý do vì bà L nhận hợp đồng mới với Đội quản lý chợ nên Đội quản lý chợ mới chấm dứt hợp đồng với ông T trước thời hạn (từ đầu tháng 12/2020).

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi và tranh luận tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về Tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị L buộc ông Nguyễn Phi T phải thanh toán tiền công thuê làm vệ sinh và bốc rác lên xe theo hợp đồng là tranh chấp về hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự; ông Nguyễn Phi T có địa chỉ cư trú tại Khóm 3, tổ dân phố T, thị trấn K, huyện L, tỉnh Quảng Bình nên Toà án nhân dân huyện Lệ Thủy thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về yêu cầu khởi kiện: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và trình bày của các đương sự, người làm chứng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định nội dung tranh chấp như sau: Ngày 01/3/2020, ông Nguyễn Phi T ký hợp đồng nhận thầu vệ sinh thu gom rác và bốc rác lên xe với Đội quản lý chợ T, thời hạn hợp đồng một năm, giá trị hợp đồng 2.100.000 đồng/tháng và các khoản hỗ trợ thêm ngoài hợp đồng, tổng cộng ông T được nhận hàng tháng 3.500.000 đồng, ngoài ra phần thu phí nhà vệ sinh, ông T tự trang trải. Cùng thời điểm đó ông Nguyễn Phi T đã làm hợp đồng thuê lại bà Bùi Thị L và bà Trần Thị L, thời hạn cũng một năm, công việc vệ sinh chợ, thu gom rác và bốc rác lên xe, giá trị 6.000.000/tháng, hai bên thỏa thuận: Hàng tháng bà L, bà L nhận tại Đội quản lý chợ 3.500.000 đồng vào những ngày đầu tháng và nhận ở ông T 2.500.000 đồng vào những ngày cuối tháng, công việc phải làm và nhận tiền công, hai bên thỏa thuận quy định trong hợp đồng theo tháng, không quy định ngày, không loại trừ bất kỳ trường hợp nào, đây là hợp đồng dân sự dịch vụ. Theo trình bày của ông T vào tháng 10 năm 2020, có 2 đợt lũ lụt, chợ không họp 19 ngày, bà L, bà L không đi làm, ông cũng không thu lệ phí chợ được nên ông không có tiền trang trải và trả công cho 2 bà, ông đã thương lượng xin trả công tháng 10 nửa tháng là 1.250.000 đồng nhưng 2 bà không chịu nên ông không trả tháng 10 và tháng 11 năm 2020, vì bà L, bà L tự chấm dứt hợp đồng và làm cho Đội quản lý chợ đã chấm dứt hợp đồng trước thời hạn đối với ông (đầu tháng 12/2020). Xét thấy, tháng 10 năm 2020, địa bàn huyện L, tỉnh Quảng Bình có hai đợt lũ lụt là thực tế, khi lũ lụt thì mọi người cũng như bà L, bà L phải nghỉ việc, tuy nhiên, sau lụt để lại lượng rác, bùn đất ở khắp địa bàn vùng giữa huyện L nói chung và chợ T nói riêng là rất nhiều nên bà L và bà L phải làm tăng thêm thời gian mới đáp ứng kịp thời để chợ hoạt động trở lại, đây là điều hiển nhiên và theo tính chất công việc, đã được ông Trần Thúc C Đội trưởng Đội quản lý chợ T xác nhận. Tại phiên tòa ông T cũng thừa nhận tháng 10 và tháng 11 sau lũ lụt chợ sạch sẽ. Do đó, Hội đồng xét xử thấy, việc ông T cho rằng bà L, bà L không làm rác thời gian hơn nửa tháng 10, rồi tự chấm dứt hợp đồng và làm cho hợp đồng của ông với Đội quản lý chợ bị chấm dứt là không có căn cứ. Bởi lẽ, việc bà L, bà L không tiếp tục thực hiện hợp đồng với ông T một mặt do ông T không thực hiện nghĩa vụ trả tiền đúng giá trị và thời hạn cho bà L, bà L, một mặt do ông T vi phạm hợp đồng với Đội quản lý chợ T nên Đội chấm dứt hợp đồng trước thời hạn (kể từ tháng 12/2020) nên hợp đồng giữa ông T và bà L, bà L đương nhiên không còn thời

hạn; số tiền Đội quản lý chợ trả cho ông T mà ông T và bà L, bà L thỏa thuận cho bà L nhận thay, thực tế bà L đại diện cho 2 bà đã nhận tại Đội quản lý chợ T 3.500.000 đồng/tháng, kể từ sau khi ký hợp đồng đến hết tháng 11 năm 2020, theo sổ theo dõi mà Đội quản lý chợ T giao nộp, thể hiện hợp đồng giữa ông T và Đội quản lý chợ Tréo chấm dứt từ tháng 12/2020.

Từ những phân tích trên, có căn cứ để Hội đồng xét xử nhận định số tiền công tháng 10 và tháng 11 năm 2020 theo hợp đồng mà ông T chưa trả cho bà L là vi phạm hợp đồng dân sự dịch vụ. Trong số tiền công 2 tháng của 2 người mà ông T chưa trả là 5.000.000 đồng. Bà Bùi Thị L yêu cầu ông Nguyễn Phi T phải trả phần tiền công của bà là 2.500.000 đồng ($5.000.000 \text{ đồng} : 2 = 2.500.000 \text{ đồng}$) là có căn cứ cần chấp nhận để buộc ông Nguyễn Phi T có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị L số tiền yêu cầu theo hợp đồng là phù hợp với các Điều 513, 514, 515, 516, 517, 518, 519 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.2]. Về tiền lãi chậm trả, bà L chỉ yêu cầu Tòa án xem xét buộc ông T chịu lãi chậm trả đối với số tiền chậm trả kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và bà có đơn yêu cầu thi hành án.

[2.3]. Bà Trần Thị L là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị L được Hội đồng xét xử chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp; bị đơn ông Nguyễn Phi T thuộc đối tượng người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn án phí nên cần miễn án phí cho ông Nguyễn Phi T là phù hợp với điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 357, Điều 385, Điều 398, Điều 513, Điều 514, Điều 515, Điều 516, Điều 517, Điều 518, Điều 519 của Bộ luật dân sự năm 2015, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị L, buộc ông Nguyễn Phi T phải có nghĩa vụ trả tiền công theo hợp đồng cho bà Bùi Thị L là 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng).

- Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Phi T. Nguyên đơn bà Bùi Thị L không phải chịu án phí và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà đã nộp theo biên lai số 0002141 ngày 07/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền

lỗi của số tiền chưa thi hành án theo mức lỗi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Bùi Thị L, ông Nguyễn Phi T và bà Trần Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17/8/2021) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND h. Lệ Thủy;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS h. Lệ Thủy;
- Lưu HSVA;
- Lưu Vp.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trương Thị Nhàn